

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt điều chỉnh Chiến lược phát triển Trường Đại học
Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035**

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

- Căn cứ Luật số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học;
- Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Nghị định Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;
- Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;
- Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Hội nghị trung ương 8 Khóa XII về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;
- Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 về quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;
- Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 về việc quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;
- Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-TTg ngày 15 tháng 01 năm 2019 về phê duyệt đề án nâng cao chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2019 - 2025;
- Căn cứ Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2012 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020;
- Căn cứ Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 19 tháng 4 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011 - 2020;
- Căn cứ Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2011 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011-2020;
- Căn cứ Quyết định số 2476/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2011 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực ngành tài nguyên và môi trường giai đoạn 2012-2020;
- Căn cứ Quyết định số 2283/QĐ-TTg ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Căn cứ Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức giai đoạn 2016 - 2025;

- Căn cứ Quyết định số 2979/QĐ-BTNMT ngày 23 tháng 11 năm 2017 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển nhân lực ngành tài nguyên và môi trường đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Căn cứ Quyết định số 3493/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Phê duyệt Chiến lược phát triển Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đến năm 2025, tầm nhìn 2035;

Căn cứ Quyết định số 456/QĐ-BTNMT ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 1798/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công nhận Hội đồng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội nhiệm kỳ 2020 - 2025;

- Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐTĐHHN ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh chiến lược phát triển Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 với những nội dung chủ yếu sau:

I. Quan điểm và mục tiêu

1. Quan điểm

a) Phát triển Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; phù hợp với các chiến lược phát triển của ngành tài nguyên và môi trường.

b) Tập trung đầu tư, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, tăng cường đào tạo các chuyên ngành truyền thống và thế mạnh của Trường, từng bước mở chuyên ngành mới phục vụ phát triển ngành tài nguyên và môi trường, đáp ứng nhu cầu xã hội; gắn công tác đào tạo với nghiên cứu khoa học, hội nhập quốc tế và hoạt động thực tiễn.

c) Đầu tư đào tạo nhân lực của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội là đầu tư phát triển và được ưu tiên xem xét trong các chương trình, kế hoạch của ngành tài nguyên và môi trường.

d) Đổi mới cơ chế quản lý theo hướng giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, nâng cao năng lực cạnh tranh của Trường, gắn đào tạo, đào tạo từ xa với nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đáp ứng yêu cầu thực tế hiện nay.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng và phát triển Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội trở thành cơ sở đào tạo, đào tạo từ xa nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực tài nguyên và môi trường, đáp ứng được yêu cầu công tác quản lý, thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng; đến năm 2035, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội trở thành trường đại học trọng điểm quốc gia trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường theo định hướng ứng dụng.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Đối với công tác tổ chức cán bộ

- Kiện toàn lại cơ cấu tổ chức trong Nhà trường; sáp nhập một số khoa có số lượng tuyển sinh thấp và đang đào tạo các ngành gần thành một đơn vị, một số đơn vị dịch vụ hoạt động chưa hiệu quả cũng sẽ được đánh giá và đề xuất sáp nhập; sắp xếp lại tổ chức bộ máy khi có phê duyệt chủ trương sáp nhập các đơn vị thuộc và trực thuộc Nhà trường.

- Rà soát và điều chỉnh quy chế tổ chức hoạt động nhà trường phù hợp luật giáo dục đại học sửa đổi và cơ chế tự chủ trong Nhà trường.

- Rà soát và điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường.

- Đến năm 2025, tỷ lệ giảng viên là tiến sĩ đạt 25 - 30%, trong đó có khoảng 10 - 20% là giáo sư, phó giáo sư.

- Đến năm 2035, đội ngũ giảng viên đạt chuẩn có 40 - 45% là tiến sĩ, trong đó có 20 - 30% là giáo sư, phó giáo sư, mỗi chuyên ngành có ít nhất 01 phó giáo sư đầu ngành trở lên.

2.2.2. Đối với công tác đào tạo

- Tất cả các môn học sử dụng tài liệu, giáo trình đổi mới theo xu hướng tăng tỉ lệ thực hành và theo nguyên tắc “học gắn với nhu cầu của cộng đồng”.

- Đào tạo sau đại học sẽ thêm mã ngành đào tạo tiến sĩ và chiếm tỷ lệ phù hợp theo yêu cầu của Trường so với số lượng sinh viên đại học chính quy.

- Đến năm 2025, tổng quy mô đào tạo vào khoảng 10.000 - 12.000 người học, trong đó: đào tạo trình độ sau đại học chiếm khoảng 10%; cơ cấu ngành nghề phù hợp (ngành nghề truyền thống - chiếm tỉ lệ 35%; ngành nghề mũi nhọn, có tiềm năng phát triển - chiếm tỉ lệ 40%; ngành nghề liên kết đào tạo đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, dịch vụ - chiếm tỉ lệ 25%).

- Tính đến năm 2025, có: từ 04 đến 05 chương trình đào tạo đại học chính quy, 02 đến 03 chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ và 01 đến 03 chương trình đào tạo tiến sĩ được mở mới. Tiếp tục tăng cường khai thác năng lực cơ sở vật chất và đội ngũ CBGV phát triển đào tạo các loại hình tại Phân hiệu với khoảng 100 sinh viên, học viên các bậc học.

- Đến năm 2035, quy mô đào tạo 15.000 người học, trong đó đào tạo trình độ sau đại học chiếm 20%, bao gồm 1 - 2% là sinh viên quốc tế. Ngành nghề truyền thống chiếm tỷ lệ 20%; ngành mũi nhọn, có tiềm năng phát triển chiếm tỷ lệ 50%; ngành nghề liên kết đào tạo đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, dịch vụ chiếm 30%; mở thêm 05 ngành đào tạo đại học và 05 ngành đào tạo sau đại học.

2.2.3. Đối với công tác đảm bảo chất lượng

- Thực hiện tự đánh giá và đăng ký kiểm định chất lượng Trường sau chu kỳ đánh giá 05 năm (5 năm/lần).

- Hằng năm, triển khai tự đánh giá và đánh giá ngoài 03 - 04 CTĐT; đến năm 2025, 100% các CTĐT tuyển sinh trước năm 2021 (có SV tốt nghiệp được 1 năm trở lên) được thực hiện tự đánh giá và đánh giá ngoài; các CTĐT đã đánh giá ngoài đủ 1 chu kỳ (5 năm) tiếp tục triển khai Tự đánh giá và đánh giá ngoài theo chu kỳ (5 năm/lần).

- Đến năm 2035, có 25 chương trình đào tạo hệ đại học, 15 chương trình đào tạo sau đại học, 15 chương trình đào tạo liên kết được tự đánh giá và đánh giá ngoài.

2.2.4. Đối với hoạt động khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế

a) Điều chỉnh mục tiêu chung:

Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đạt trình độ hàng đầu trong nước, tiên tiến trong khu vực và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng nhằm giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn, góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực Khoa học Tài nguyên và Môi trường và các lĩnh vực liên quan của đất nước.

b) Điều chỉnh mục tiêu cụ thể:

- Nghiên cứu khoa học gắn liền với đào tạo nguồn nhân lực góp phần vào việc phát triển bền vững sự nghiệp đào tạo:

+ Đến năm 2025, có khoảng 1000 - 1300 bài báo, báo cáo khoa học được đăng trong nước và quốc tế. Trong đó, có trên 10% bài báo hàng năm được đăng trên hệ thống ISI, SCOPUS; 05 cuốn sách chuyên khảo hàng năm; 05 phát minh, sáng chế, giải pháp khoa học được đăng ký bản quyền hoặc sở hữu trí tuệ; nguồn thu từ các hoạt động khoa học và công nghệ chiếm từ 15 - 20% tổng nguồn thu của Trường.

+ Đến 2035, đạt từ 1500 - 2000 bài báo, báo cáo khoa học được đăng trong nước và quốc tế, trên 50 bài báo được đăng trên hệ thống ISI, SCOPUS; 10 cuốn sách chuyên khảo hàng năm; 10 phát minh, sáng chế, giải pháp khoa học được đăng ký bản quyền hoặc sở hữu trí tuệ; nguồn thu từ các hoạt động khoa học và công nghệ chiếm từ 30 - 40% tổng nguồn thu của Trường.

- Phát triển đồng thời các loại hình khoa học cơ bản, khoa học định hướng ứng dụng và khoa học ứng dụng, đặc biệt chú ý tới phát triển khoa học liên ngành. Gắn kết nghiên cứu khoa học với chuyển giao công nghệ, thực tế sản xuất phù hợp với ngành nghề đào tạo của Trường:

+ Đến năm 2025, 100% kết quả nghiên cứu khoa học được ứng dụng vào giảng dạy, tài liệu tham khảo; 80% số lượng kết quả nghiên cứu được triển khai trong thực tiễn.

+ Đến 2035, 100% kết quả nghiên cứu khoa học được ứng dụng vào giảng dạy, tài liệu tham khảo; 100% số lượng kết quả nghiên cứu được triển khai trong thực tiễn.

- Đến năm 2025, tỷ lệ chi cho hoạt động KHCN chiếm 10 - 15% tổng chi cho các hoạt động hàng năm của Trường và đạt tỷ lệ 15 - 20 % vào năm 2035.

2.2.5. Đối với công tác xuất bản, chuyển đổi số Tạp chí Khoa học Tài nguyên và Môi trường

a) Điều chỉnh mục tiêu chung:

Chuyển đổi tạp chí in sang tạp chí số nhằm mục tiêu xây dựng tạp chí theo hướng chuyên nghiệp, nhân văn và hiện đại; đổi mới hiệu quả trải nghiệm của độc giả, có sức lan tỏa nhanh và kịp thời trong hoạt động nghề nghiệp; làm tốt sứ mệnh, tôn chỉ, mục đích tuyên truyền và phổ biến phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước về phát triển ngành tài nguyên và môi trường cũng như phản ánh các hoạt động khoa học công nghệ, cung cấp trao đổi thông tin, kinh nghiệm, kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, của Nhà trường.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Đến năm 2025:

- + 90% nội dung đưa lên nền tảng số.
- + 70% sử dụng nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động của tạp chí.

+ Đạt từ 80% trở lên hoạt động, vận hành theo mô hình tòa soạn hội tụ, phù hợp với sự phát triển của khoa học, công nghệ; sản xuất nội dung theo các xu hướng báo chí số.

+ Tối ưu hóa nguồn thu, tăng doanh thu tối thiểu 20%.

+ 100% lãnh đạo, cán bộ, biên tập viên được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số tạp chí.

+ Đạt 100% giải pháp đảm bảo an toàn, an ninh hệ thống thông tin tạp chí.

- Đến năm 2035:

+ 100% nội dung đưa lên nền tảng số.

+ 100% sử dụng nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động của tạp chí.

+ Đạt 100% trở lên hoạt động, vận hành theo mô hình tòa soạn hội tụ, phù hợp với sự phát triển của khoa học, công nghệ; sản xuất nội dung theo các xu hướng báo chí số.

+ Tối ưu hóa nguồn thu, tăng doanh thu trên 20%.

+ Đạt 100% giải pháp đảm bảo an toàn, an ninh hệ thống thông tin tạp chí.

2.2.6. Đối với công tác sinh viên và phục vụ cộng đồng

a) Điều chỉnh mục tiêu chung:

- Đẩy mạnh các biện pháp hỗ trợ hướng nghiệp sinh viên và kết nối với các tổ chức, doanh nghiệp nâng cao tỷ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp.

- Nâng cao hiệu quả công tác phục vụ cộng đồng; nâng cao tỷ lệ cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng.

b) Điều chỉnh mục tiêu cụ thể:

- Đến năm 2025, sinh viên các khóa đào tạo trình độ đại học chính quy sau 01 năm tốt nghiệp có việc làm đạt trên 50%, trong đó có từ 20% trở lên có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo; sau 03 năm tốt nghiệp đạt trên 80% có việc làm, trong đó có trên 50% phù hợp với chuyên ngành đào tạo. Ít nhất 75% số các bên liên quan (được khảo sát) hài lòng về kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng.

- Đến năm 2035, sinh viên các khóa đào tạo trình độ đại học chính quy sau 01 năm tốt nghiệp có việc làm đạt trên 60%, trong đó có từ 30% trở lên có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo; sau 03 năm tốt nghiệp đạt trên 90% có việc làm, trong đó có trên 60% phù hợp với chuyên ngành đào tạo; có ít nhất 80% số các bên liên quan (được khảo sát) hài lòng về kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng.

2.2.7. Đối với công tác cơ sở vật chất

a) Điều chỉnh mục tiêu chung:

- Duy trì phát triển cơ sở vật chất của Trường tại địa điểm phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội là cơ sở chính của Trường và là nơi đào tạo đại học, sau đại học, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

- Nâng cấp và cải tạo Phân hiệu của Trường tại thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa đáp ứng nhu cầu đào tạo đại học, sau đại học và nghiên cứu khoa học.

- Mở rộng cơ sở của Trường tại thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh với diện tích khoảng 13ha đáp ứng cho 10.000 sinh viên với đầy đủ trang thiết bị hiện đại phục vụ đào tạo đại học, sau đại học, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ tương đương với các trường đại học kỹ thuật, đại học vùng trọng điểm quốc gia và ngang tầm với các trường đại học quốc tế.

- Phát triển Trung tâm thư viện điện tử hiện đại, kết nối với tổ chức đào tạo, nghiên cứu khoa học trong nước và nước ngoài.

b) Điều chỉnh mục tiêu cụ thể đến năm 2025:

Các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể về cơ sở hạ tầng kỹ thuật hoàn thành đến năm 2025, gồm:

- Đầu tư xây dựng phòng thực hành phục vụ các ngành đào tạo kế toán, quản trị kinh doanh, quản trị du lịch và lữ hành.

- Đầu tư cơ sở vật chất cho đào tạo online, từ xa trong nước và quốc tế.

- Xây dựng nhà thi đấu đa năng tại cơ sở 1 phục vụ giảng dạy môn học giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và nhu cầu ngoại khóa của viên chức, người lao động, người học trong Nhà trường.

- Đảm bảo duy trì 100% các phòng học đạt chuẩn (đầy đủ hệ thống máy chiếu, âm thanh, điều hòa và kết nối mạng Internet).

- Thành lập Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường, đầu tư trang thiết bị hiện đại phục vụ công tác thí nghiệm và thực hành Tài nguyên nước, Địa chất khoáng sản, Phân tích môi trường và Trạm thực hành khí tượng - khí hậu của Trường và của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Đầu tư xây dựng khu nhà để xe cho sinh viên tại cơ sở 1 - số 41 A, Đường Phú Diễn, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

- Phát triển Trung tâm thư viện thành thư viện điện tử hiện đại, kết nối với tổ chức đào tạo, nghiên cứu khoa học trong nước và nước ngoài.

- Đầu tư nâng cấp và sửa chữa cơ sở 2 tại Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội phục vụ công tác học tập, giảng dạy và nghiên cứu của sinh viên, giảng viên trong Nhà trường.

- Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại Phân hiệu của Trường tại Bim Sơn, Thanh Hóa đáp ứng đào tạo đại học, sau đại học và nghiên cứu khoa học.

- Đến năm 2025, Trường có cơ sở tại thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh có diện tích khoảng 13ha với đầy đủ cơ sở hạ tầng, trang thiết bị hiện đại phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học đáp ứng cho khoảng 6.000 sinh viên.

c) Điều chỉnh mục tiêu cụ thể tầm nhìn đến năm 2035:

Các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể về cơ sở hạ tầng kỹ thuật hoàn thành đến năm 2035:

- Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật Phân hiệu của Trường tại Bim Sơn, Thanh Hóa đầy đủ và hiện đại phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học công nghệ ngang tầm các trường đại học trong khu vực.

- Tập trung đầu tư cơ sở của Trường tại thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh đáp ứng cho 10.000 sinh viên với đầy đủ trang thiết bị hiện đại phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học công nghệ tương đương với các trường đại học kỹ thuật, đại học vùng trọng điểm quốc gia và ngang tầm với các trường đại học quốc tế.

- Đầu tư xây dựng các phòng thí nghiệm đạt chuẩn gồm: phòng thí nghiệm và phân tích môi trường, phòng thực hành tài nguyên nước, phòng thực hành khí tượng, thủy văn, phòng thí nghiệm công nghệ biển và phòng thí nghiệm công nghệ viễn thám và GIS.

2.2.8. Đối với công tác kế hoạch - tài chính

- Mục tiêu đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035, gia tăng các khoản thu từ hoạt động dịch vụ và hoạt động chuyển giao kết quả NCKH đạt 20-30% trong tổng thu của Nhà trường;

- Các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể (chi tiết theo Bảng dự toán thu chi giai đoạn 2021-2025) dưới đây:

Bảng 2.1. Dự toán thu chi giai đoạn 2021-2025 (đơn vị tính: triệu đồng)

TT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2021-2025					
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tổng cộng
A	TỔNG THU	312.000	279.500	212.000	214.500	216.500	1.234.500
I	Thu phí, lệ phí và các khoản thu khác	92.000	94.500	97.000	99.500	101.500	484.500
1	Học phí	88.500	90.500	92.500	94.500	96.500	462.500
2	Phí, lệ phí khác	500	500	500	500	500	2.500
3	Thu từ hoạt động SXKD dịch vụ khác	3.000	3.500	4.000	4.500	4.500	19.500
II	Thu NSNN cấp trực tiếp (qua dự toán giao hàng năm)	220.000	185.000	115.000	115.000	115.000	750.000
1	NSNN cấp chi thường xuyên	0	0	0	0	0	0

TT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2021-2025					
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tổng cộng
2	NSNN cấp chi không TX	20.000	15.000	15.000	15.000	15.000	80.000
3	Nguồn vốn ĐTXDCB (Dự án "Đầu tư tăng cường cơ sở vật chất Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại Bắc Ninh")	200.000	170.000	100.000	100.000	100.000	670.000
B	TỔNG CHI	312.000	279.500	212.000	214.500	216.500	1.234.500
I	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí	92.000	94.500	97.000	99.500	101.500	484.500
1	Chi thường xuyên	82.000	84.500	87.000	89.500	91.500	434.500
-	<i>Chi cho con người</i>	<i>70.000</i>	<i>70.000</i>	<i>70.000</i>	<i>70.000</i>	<i>70.000</i>	<i>350.000</i>
-	<i>Chi nhiệm vụ chuyên môn</i>	<i>10.000</i>	<i>12.000</i>	<i>14.000</i>	<i>16.000</i>	<i>17.500</i>	<i>69.500</i>
-	<i>Chi cho NCKH</i>	<i>1.500</i>	<i>2.000</i>	<i>2.500</i>	<i>3.000</i>	<i>3.500</i>	<i>12.500</i>
-	<i>Chi khác</i>	<i>500</i>	<i>500</i>	<i>500</i>	<i>500</i>	<i>500</i>	<i>2.500</i>
2	Chi tăng cường cơ sở vật chất	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	50.000
II	Chi từ NSNN cấp	220.000	185.000	115.000	115.000	115.000	750.000
1	Chi nghiên cứu khoa học	20.000	15.000	15.000	15.000	15.000	80.000
2	Chi đầu tư XDCB	200.000	170.000	100.000	100.000	100.000	670.000

Giai đoạn 2021-2025, là giai đoạn đầu Trường phải tự đảm bảo 100% chi thường xuyên, do vậy ngoài việc đảm bảo kinh phí cho các hoạt động thường xuyên thì cần tiếp tục duy trì thu nhập tăng thêm của cán bộ, giảng viên với mức chi năm 2021 ít nhất bằng mức chi năm 2020, và từ năm 2022 trở đi tăng lên tối thiểu 3%/năm cho đến năm 2035.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Về công tác tổ chức cán bộ

1.1. *Đẩy mạnh công tác chính trị, tư tưởng, nâng cao vị thế của trường*

- Đẩy mạnh thực hiện tự chủ, đổi mới quản trị Nhà trường gắn với cơ chế quản lý và giám sát hiệu quả. Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực tổ chức, quản lý, bảo đảm chặt chẽ, hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

- Xây dựng môi trường làm việc khoa học, hiện đại nhằm tạo động lực cho công chức, viên chức và người lao động có động lực, phát huy hết khả năng, sáng tạo trong công việc; đổi mới cơ chế, phương thức tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, viên chức; xây dựng chiến lược, chính sách thu hút nhân tài, thu hút đội ngũ viên chức có chuyên môn, nghiệp vụ giỏi, có trọng tâm, trọng điểm vào làm việc trong đơn vị.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của công chức, viên chức và người lao động trong toàn trường; thay đổi quan điểm, hành động và tâm lý tạo động lực phát triển nhân lực của Nhà trường; xác định phát triển nhân lực chất lượng cao là trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của cả hệ thống chính trị và tập thể Nhà trường.

- Sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức một cách hợp lý và hiệu quả, tránh chồng chéo như hiện nay. Đồng thời, xây dựng được hệ thống đánh giá kết quả và chất lượng công việc để nâng cao năng suất lao động đồng thời thay đổi phương thức phục vụ của cán bộ, giảng viên đối với sinh viên (coi sinh viên là khách hàng để phục vụ).

1.2. Xây dựng đội ngũ giảng viên, cán bộ nghiên cứu có trình độ cao

a) Chuẩn hóa và nâng cao năng lực, hiệu quả công tác của cán bộ

- Thống nhất danh mục vị trí việc làm với bản mô tả công việc theo quy định mới của Bộ Nội vụ; rà soát và điều chỉnh tiêu chuẩn, khung năng lực vị trí việc làm; rà soát và điều chuyển người lao động phù hợp với khung năng lực và vị trí việc làm; xây dựng và thực hiện cơ chế tuyển dụng đối với sinh viên tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc, trình độ cao, trong đó ưu tiên sinh viên được đào tạo, tốt nghiệp tại trường; xây dựng và thực hiện cơ chế tuyển dụng về nghiệp vụ đối với nghiên cứu viên, chuyên viên, kỹ thuật viên làm công tác nghiên cứu; xây dựng và ban hành hệ thống đánh giá kết quả và chất lượng công việc để nâng cao năng suất lao động đồng thời thay đổi phương thức phục vụ của cán bộ, giảng viên đối với sinh viên (coi sinh viên là khách hàng để phục vụ).

- Xây dựng kế hoạch khảo sát nhu cầu đào tạo bồi dưỡng và Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên, nhân viên hàng năm.

b) Xây dựng cơ chế, chính sách, kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ nghiên cứu.

- Xây dựng và ban hành chính sách cụ thể để hỗ trợ đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về công tác tại trường. Có cơ chế chính sách khuyến khích, tạo điều kiện cho đội ngũ giảng viên được học tập, bồi dưỡng trong nước và ngoài nước nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên về chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy.

- Tăng cường đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên, nhân viên, đảm bảo 15-20% số lượng giảng viên, nhân viên được cử đi đào tạo, bồi dưỡng mỗi năm (đảm bảo ít nhất 75% số lượng giảng viên, nhân viên được cử đi đào tạo trong vòng 5 năm); khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư, hỗ trợ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng.

- Rà soát, điều chỉnh và ban hành chính sách tuyển dụng và sử dụng hiệu quả các cán bộ khoa học trình độ cao đã nghỉ hưu tiếp tục tham gia nghiên cứu và xây dựng nhà trường.

2. Về công tác đào tạo

2.1. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ chương trình, nội dung, phương pháp đào tạo; tiếp cận áp dụng các chương trình, giáo trình tiên tiến nước ngoài phù hợp với Khung trình độ quốc gia.

- Không ngừng đổi mới chương trình, nội dung đào tạo. Đổi mới phương pháp giảng dạy theo phương châm lấy người học làm trung tâm, học đi đôi với hành, biến quá trình đào tạo thành quá trình tự nghiên cứu và đào tạo.

- Đa dạng hóa các loại hình đào tạo như đào tạo trực tuyến, từ xa, liên kết đào tạo vừa làm vừa học; giúp người học có được kế hoạch học tập mềm dẻo, linh hoạt. Thiết kế chương trình đảm bảo tính liên thông theo chiều dọc, chiều ngang, giúp người học dễ thích ứng, chuyển đổi nghề nghiệp linh hoạt trong thị trường lao động đầy biến động.

- Nhanh chóng xúc tiến công tác giảng dạy bằng tiếng Anh, sử dụng các giáo trình tiên tiến của thế giới cho tất cả các chương trình đào tạo.

- Đẩy mạnh công tác khảo thí, đảm bảo chất lượng đào tạo, đảm bảo khách quan công bằng và ngăn ngừa tiêu cực trong thi cử. Tăng cường biên soạn giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo, chuyên khảo.

- Đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp trong đào tạo, thực tập, xây dựng chương trình đào tạo.

- Đa dạng hóa các hình thức bồi dưỡng thường xuyên nhằm cập nhật các kiến thức cho cán bộ quản lý, giảng viên, sinh viên.

2.2. Đào tạo đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý phục vụ công tác đào tạo

- Xây dựng Đề án đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ giảng dạy và quản lý trình độ cao. Tăng cường cử cán bộ đi học tiến sĩ, nâng cao năng lực Tiếng Anh ở trong và ngoài nước để triển khai đào tạo sau đại học và hội nhập quốc tế.

- Hướng tới đào tạo đội ngũ giảng viên các bộ môn theo chuẩn kiến thức quốc tế thông qua tiếp cận giáo trình tiên tiến nước ngoài cho từng môn học, nâng cao trình độ giảng dạy bằng chương trình tiên tiến nước ngoài trong giai đoạn 2021 - 2025.

- Mở các lớp tiếng Anh cho giảng viên, cán bộ quản lý và sinh viên với sự tham gia giảng dạy của giảng viên giỏi trong và ngoài nước. Mở các lớp đào tạo về Internet và Thư viện điện tử cho giảng viên và sinh viên nhằm khai thác tối đa kho tàng kiến thức trên mạng, dữ liệu thông tin tài nguyên và môi trường, tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý và đào tạo.

- Mở rộng mạng lưới hợp tác, tăng cường mời các nhà khoa học hàng đầu trong nước và quốc tế, các nhà hoạt động thực tiễn, các nhà doanh nghiệp thành công tham gia giảng dạy, hợp tác nghiên cứu, hội thảo, chuyển giao khoa học - công nghệ. Cử giảng viên và cán bộ quản lý đi tập huấn, tham quan khảo sát và thực tập giảng dạy ở nước ngoài.

2.3. Đào tạo theo chuẩn, đáp ứng nhu cầu xã hội

- Xây dựng, hoàn thiện và công bố chuẩn đầu ra cho sinh viên. Miễn các môn Tin học, Ngoại ngữ cho sinh viên đã đạt chuẩn đầu ra.

- Phát huy tốt vai trò của các cán bộ giảng viên, các đơn vị mở rộng hợp tác, mang về các giáo trình, bài giảng tiên tiến, cập nhật giảng dạy cho toàn trường giúp cho sinh viên ra trường có trình độ kiến thức tiếp cận tiêu chuẩn khu vực và quốc tế, đáp ứng chuẩn kiến

thức quốc tế và nhu cầu về chất lượng nguồn nhân lực của các doanh nghiệp, sở, ban ngành và các cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường thời hội nhập.

- Đào tạo, nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế căn cứ, bám sát nhu cầu của thị trường lao động, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế và đảm bảo môi trường phát triển bền vững.

- Trân trọng ý kiến của các chuyên gia đào tạo, các nhà tuyển dụng (các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế xã hội, các sở, ban ngành, cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường), đánh giá của sinh viên, phản hồi của cựu sinh viên và nhu cầu của thị trường lao động.

2.4. Thực hiện xã hội hóa giáo dục để khai thác các nguồn lực

- Xây dựng kế hoạch phát triển và kế hoạch tài chính hằng năm của đơn vị với định hướng cân đối hài hòa giữa phát triển quy mô đào tạo gắn với đảm bảo chất lượng.

- Xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ và cơ chế tài chính theo hướng tự chủ tài chính, hạch toán minh bạch các nguồn thu chi.

- Thực hiện xã hội hóa giáo dục, đa dạng hóa các nguồn thu, trong đó chú trọng tỷ trọng thu ngoài ngân sách, thông qua việc đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, mở rộng liên kết đào tạo, đào tạo ngắn hạn.

2.5. Đổi mới tổ chức và quản lý, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, xây dựng thương hiệu Nhà trường thu hút người học

- Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng ủy, vai trò chỉ đạo của chính quyền, sự tham gia quản lý và động viên quần chúng của các tổ chức đoàn thể.

- Thực hiện dân chủ hóa học đường, nâng cao vai trò người học.

- Xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, phát huy vai trò trung tâm của sinh viên, vai trò làm chủ của sinh viên, cán bộ quản lý, giảng viên và cán bộ phục vụ đào tạo.

- Không ngừng đổi mới và sáng tạo trong phương pháp quản lý. Xây dựng và quảng bá thương hiệu nhà trường tăng cường thu hút người học.

3. Về công tác đảm bảo chất lượng

Xây dựng và duy trì các hoạt động của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong, nhằm không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo:

- Tăng cường đầu tư kinh phí cho hoạt động NCKH (theo Thông tư 09/2014/TT-BKHCN, ngày 27 tháng 5 năm 2014);

- Tăng cường đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên, nhân viên, đảm bảo 15-20% số lượng giảng viên, nhân viên được cử đi đào tạo, bồi dưỡng mỗi năm (đảm bảo ít nhất 75% số lượng giảng viên, nhân viên được cử đi đào tạo trong vòng 5 năm).

- Mỗi năm lựa chọn 10-15% số học phần để xây dựng ngân hàng câu hỏi thi.

- Tăng cường đổi mới hình thức dạy - học theo hướng lấy người học làm trung tâm; phát huy khả năng tự học, tự nghiên cứu của người học.

- Xây dựng hệ thống phương pháp kiểm tra, đánh giá đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu ra (CDR) của từng học phần, góp phần đảm bảo đạt được CDR của CTĐT.

- Đào tạo kỹ năng mềm về tin học, ngoại ngữ và các kỹ năng khác (làm việc nhóm, tự nghiên cứu, làm chủ bản thân...).
- Hệ thống hóa các văn bản theo yêu cầu của bộ tiêu chuẩn đánh giá cơ sở giáo dục đại học, đánh giá CTĐT và triển khai thực hiện có hiệu quả).
- Tăng cường hoạt động của mạng lưới đảm bảo chất lượng, hướng tới thành viên mạng lưới ĐBCLGD có năng lực tư vấn cho trường đơn vị về các hoạt động cần thiết nhằm duy trì và hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất bên trong.
- Đề xuất các giải pháp để tăng cường các hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng về cả số lượng và chất lượng.

4. Về khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế

- Tiếp tục tăng cường cơ sở vật chất cho phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành phục vụ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; mở rộng hợp tác, liên kết với các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, các cơ sở nghiên cứu, đào tạo khác để tận dụng được kinh nghiệm, cơ sở vật chất phòng thí nghiệm.
- Phát triển các nhóm nghiên cứu có uy tín trong các lĩnh vực truyền thống, hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh, trọng điểm về khoa học - công nghệ mũi nhọn, đủ sức đảm đương các nhiệm vụ khoa học - công nghệ cấp Bộ, liên ngành.
- Hoàn chỉnh hệ thống văn bản, quy chế quản lý đề tài, dự án, cơ sở dữ liệu khoa học - công nghệ; khai thác có hiệu quả các phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành.
- Đề xuất, thực hiện các đề tài nghiên cứu trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ hoặc các đề tài liên ngành đáp ứng yêu cầu thực tiễn; tổ chức hội nghị, hội thảo mở rộng mạng lưới hợp tác phát triển mang tầm khu vực, quốc tế; xúc tiến ký kết các thỏa thuận hợp tác chung với các đối tác có uy tín.
- Tăng cường liên kết, hợp tác trong nghiên cứu khoa học với các tổ chức nghiên cứu, doanh nghiệp; gắn nghiên cứu khoa học với nâng cao chất lượng đào tạo đại học và sau đại học.
- Xây dựng cơ chế liên kết nghiên cứu khoa học với các Bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp; tăng cường huy động, đa dạng hóa nguồn lực tài chính cho nghiên cứu khoa học.
- Xây dựng chính sách KHCN phù hợp với định hướng mô hình đại học ứng dụng, tạo điều kiện, khuyến khích cán bộ tham gia NCKH, cụ thể: điều chỉnh quy định quản lý KHCN; xây dựng kế hoạch tổng thể về KHCN trong đó thể hiện được các lĩnh vực ưu tiên, mũi nhọn trong nghiên cứu; tập trung đầu tư kinh phí cho hoạt động KHCN thông qua các đơn vị nghiên cứu như Viện nghiên cứu, nhóm nghiên cứu, giảm dần kinh phí đầu tư cho các đề tài dự án nhỏ, lẻ, rời rạc; gắn kết trong quản lý và hoạt động của phòng thí nghiệm với Viện nghiên cứu, nhóm nghiên cứu; đẩy mạnh thực hiện tự chủ hoạt động của Viện nghiên cứu, Trung tâm/Phòng thí nghiệm; xây dựng cơ chế và đẩy mạnh tìm kiếm, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn tài trợ trong và ngoài nước cho hoạt động KHCN.
- Xác định các hướng nghiên cứu mới mang tính chiến lược của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; đẩy mạnh hợp tác KHCN với các tổ chức, cá nhân; xây

dựng và phát triển các mạng lưới nghiên cứu trong nước và quốc tế; gắn NCKH với đào tạo, đặc biệt là đào tạo sau đại học.

- Đẩy mạnh, ưu tiên các hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng chuyển giao công nghệ có thu; tăng cường hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu thị trường lao động để tăng nguồn thu.

- Lập các dự án vay vốn ưu đãi, tranh thủ tối đa các nguồn ODA của các tổ chức chính phủ, phi chính phủ trong và ngoài nước để tăng nguồn lực tài chính.

- Phát triển Tạp chí khoa học Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội của trường được nhiều hội đồng Giáo sư Nhà nước liên ngành và chuyên ngành công nhận điểm công trình vào năm 2022.

5. Về công tác xuất bản, chuyển đổi số Tạp chí Khoa học Tài nguyên và Môi trường

- Thúc đẩy hình thành và phát triển nền tảng tạp chí điện tử.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành tác nghiệp thông qua ứng dụng nền tảng quản lý toà soạn điện tử.

- Khuyến khích nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ thông tin, an toàn, an ninh mạng cũng như thu thập, phân tích và xử lý dữ liệu nhằm phân phối nội dung, giám sát và đánh giá chất lượng thông tin.

- Phát triển tạp chí điện tử, mã định danh số quốc tế (DOI) và nâng cấp điểm của các hội đồng Giáo sư nhà nước.

- Huy động các nguồn kinh phí, lệ phí hợp pháp trong việc thực hiện chuyển đổi số, tạp chí điện tử.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, học tập kinh nghiệm của các quốc gia có nền báo chí số phát triển.

6. Về công tác sinh viên và phục vụ cộng đồng

- Xây dựng các biện pháp hướng nghiệp và hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho sinh viên để nâng cao tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp; tăng cường kết nối với các doanh nghiệp tổ chức ngày hội việc làm cho sinh viên.

- Xây dựng kế hoạch khởi nghiệp sinh viên.

- Xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát tỷ lệ có việc làm của người học; xây dựng kế hoạch khảo sát tỷ lệ có việc làm hàng năm và đề xuất các biện pháp cải tiến nâng cao chất lượng công tác hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho sinh viên.

- Rà soát và điều chỉnh lại "Quy định về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đóng góp cho xã hội của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội".

- Xây dựng và ban hành bộ tiêu chí đánh giá kết quả các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đóng góp cho xã hội của Trường.

- Xây dựng kế hoạch hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đóng góp cho xã hội hàng năm; xây dựng kế hoạch và thực hiện đánh giá tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên; xây dựng hệ thống giám sát về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên.

- Tăng cường công tác quảng bá hình ảnh Nhà trường thông qua các hoạt động tình nguyện của người học và hoạt động thiện nguyện của viên chức, người lao động, người học.

7. Về cơ sở vật chất

- Tiếp tục xây dựng lộ trình nâng cấp và đầu tư cơ sở hạ tầng của Trường tại địa điểm phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội là nơi đào tạo đại học, sau đại học, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

- Hoàn thiện hệ thống văn bản, quy chế quản lý và sử dụng tài sản, quản lý dự án nhằm nâng cao công tác đầu tư, khai thác và sử dụng, bảo trì có hiệu quả.

- Kiện toàn hệ thống công nghệ thông tin, hạ tầng mạng, công nghệ thông tin điện tử và ứng dụng phần mềm quản lý trong công tác quản trị Trường.

- Xây dựng lộ trình thực hiện cơ chế tự chủ về công tác quản lý, sử dụng, đầu tư trang thiết bị, cơ sở hạ tầng. Nghiên cứu hợp tác với các đơn vị bên ngoài để khai thác một phần cơ sở của Trường để bổ sung nguồn kinh phí cho hoạt động duy tu, bảo dưỡng cơ sở vật chất của Trường.

- Tiếp tục tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho các phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành phục vụ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ.

- Mở rộng quan hệ hợp tác, liên kết với các cơ sở nghiên cứu, đào tạo trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, các cơ sở trong và ngoài nước để tận dụng kinh nghiệm, cơ sở vật chất phòng thí nghiệm.

- Nâng cấp và cải tạo cơ sở 2 tại Phường Đức Thắng và Phân hiệu của Trường tại thị xã Bím Sơn, tỉnh Thanh Hóa đáp ứng nhu cầu đào tạo đại học, sau đại học và nghiên cứu khoa học.

- Chủ động và huy động mọi nguồn lực để xây dựng cơ sở của Trường tại thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh với diện tích khoảng 13ha đáp ứng cho 10.000SV với đầy đủ trang thiết bị hiện đại phục vụ đào tạo đại học, sau đại học, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ tương đương với các trường đại học kỹ thuật, đại học vùng trọng điểm quốc gia và ngang tầm với các trường đại học quốc tế gồm: Nguồn NSNN cấp cho đầu tư xây dựng, nguồn học phí, nguồn chuyển nhượng cơ sở hiện có của Trường và các nguồn vốn huy động khác như: Lập các dự án vay vốn ưu đãi của các nguồn vốn vay ADB, vốn JICA, nguồn ODA của các tổ chức chính phủ, phi chính phủ trong và ngoài nước và nguồn vốn tài trợ của các doanh nghiệp.

8. Về kế hoạch - tài chính

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp đa dạng hóa nguồn lực tài chính.

- Quy hoạch các lĩnh vực, loại hình dịch vụ, đổi mới cơ chế hoạt động dịch vụ, gắn dịch vụ với hoạt động đào tạo, nghiên cứu ứng dụng; liên kết hợp tác trong và ngoài nước về tư vấn dịch vụ theo các lĩnh vực mũi nhọn.

- Đặc biệt chú trọng tăng cường việc chuyển giao kết quả nghiên cứu KH-CN để tạo nguồn thu. Muốn vậy, cần giảm dần các đề tài nghiên cứu cơ bản, ưu tiên tập trung cho các đề tài có tính ứng dụng thực tế để chuyển giao kết quả nghiên cứu KH-CN nhằm tạo ra nguồn thu, chiếm 20 - 30% tổng nguồn thu.

- Xây dựng lộ trình thực hiện tự chủ về tài chính theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Mở thêm một số ngành đào tạo phù hợp với xu thế thị trường nhằm thu hút được số đông nhu cầu của thí sinh cũng như nhu cầu của xã hội để duy trì và tăng trưởng nguồn thu.

- Huy động tối đa các nguồn kinh phí xã hội hóa nhằm đa dạng hóa nguồn thu phục vụ cho các hoạt động của Nhà trường.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng Hội đồng trường

a) Là đơn vị thường trực Ban chỉ đạo thực hiện Chiến lược phát triển Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

b) Chỉ đạo các đơn vị có liên quan tổ chức công bố, tuyên truyền, phổ biến Chiến lược phát triển Trường;

c) Tham mưu Hội đồng trường và ban lãnh đạo Nhà trường thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Chiến lược phát triển Trường.

d) Chỉ đạo đôn đốc, kiểm tra, theo dõi việc xây dựng kế hoạch thực hiện chiến lược hàng năm, 05 năm. Định kỳ tổ chức đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện chiến lược hàng năm theo quy định.

e) Tổng hợp, xây dựng kế hoạch, đề án, chương trình phát triển hàng năm; đề xuất điều chỉnh, bổ sung chiến lược phát triển Trường trình Hội đồng Trường phê duyệt và tổ chức thực hiện.

2. Phòng Tổ chức - Hành chính

- Chủ trì xây dựng Kế hoạch kế hoạch thực hiện chiến lược hàng năm, 05 năm.

- Chủ trì quan xây dựng hệ thống thông tin và dự báo nhu cầu nguồn nhân lực Nhà trường; tổng hợp, xây dựng kế hoạch, đề án, chương trình phát triển nguồn nhân lực hàng năm, 05 năm; đề xuất điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển nguồn nhân lực; khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ hàng năm.

3. Phòng Đào tạo

Chủ trì tổng hợp, xây dựng kế hoạch, đề án, chương trình phát triển đào tạo và mở ngành hàng năm, 05 năm; đề xuất điều chỉnh, bổ sung chiến lược về đào tạo.

4. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục

Chủ trì tổng hợp, xây dựng kế hoạch đảm bảo chất lượng Nhà trường, kế hoạch tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo hàng năm, 05 năm; đề xuất điều chỉnh, bổ sung chiến lược đảm bảo chất lượng Nhà trường.

5. Phòng Công tác Sinh viên

Chủ trì tổng hợp, xây dựng kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển về công tác sinh viên và phục vụ cộng đồng hàng năm, 05 năm; đề xuất điều chỉnh, bổ sung chiến lược phát triển về hỗ trợ việc làm, khởi nghiệp sinh viên và phục vụ cộng đồng.

6. Phòng Khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế

Chủ trì tổng hợp, xây dựng kế hoạch các nhiệm vụ khoa học, các hoạt động xúc tiến, vận động đầu tư, kêu gọi các đối tác phát triển hỗ trợ để thực hiện nhiệm vụ chiến lược

hàng năm, 05 năm; đề xuất điều chỉnh, bổ sung chiến lược khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế.

7. Phòng Quản trị thiết bị

Chủ trì tổng hợp, xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, nâng cấp và sửa chữa hàng năm, 05 năm; đề xuất điều chỉnh, bổ sung chiến lược đầu tư cơ sở vật chất Nhà trường.

8. Phòng Kế hoạch - Tài chính

Chủ trì xây dựng dự toán và bảo đảm kinh phí hàng năm cho việc thực hiện Chiến lược phát triển Trường; xây dựng các cơ chế, chính sách huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện chiến lược.

9. Các đơn vị, tổ chức trực thuộc Trường

Căn cứ Nghị quyết phê duyệt điều chỉnh “Chiến lược phát triển Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035” để xây dựng kế hoạch dài hạn, kế hoạch hàng năm, chủ động triển khai các giải pháp thực hiện chiến lược; phối hợp với các bộ phận chức năng chuyên môn xây dựng kế hoạch, tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện chiến lược đơn vị và lĩnh vực chuyên môn theo định kỳ. Kết quả thực hiện chiến lược của đơn vị là một trong những tiêu chí đánh giá hàng năm đối với việc hoàn thành nhiệm vụ đơn vị.

Điều 2. Các đơn vị theo định kỳ gửi báo cáo về Hội đồng Trường qua Văn phòng Hội đồng trường trước ngày 15 tháng 12 hàng năm; định kỳ hàng năm, Văn phòng Hội đồng trường chủ trì tổ chức đánh giá, báo cáo Hội đồng trường về kết quả thực hiện chiến lược theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hiệu trưởng, Trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c)
- Vụ TCCB - Bộ TN&MT (để b/c);
- Hội đồng Trường (thay b/c);
- Ban Giám hiệu (để t/h);
- Lưu: VT, VP-HĐT, TCHC. (6)

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH

Hoàng Anh Huy